

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương
năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng
4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương
trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của HĐND
tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2023 của
UBND tỉnh về việc giao kế hoạch năm 2023 vốn đầu tư phát triển nguồn ngân
sách trung ương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của
UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm 2023 vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 4549/TTr-
SKHĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung
ương năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

(Chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết
định số 384/QĐ-UBND ngày 22/02/2023, Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày
29/5/2023 của UBND tỉnh không trái với nội dung Quyết định này vẫn giữ nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; Trưởng ban Ban Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chánh Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: A Lưới, Nam Đông, Phú Lộc và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động-Thương binh và Xã hội (để b/c);
- Ủy ban Dân tộc (để b/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (để b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương

Phụ lục I

Điều chỉnh kế hoạch năm 2023 vốn đầu tư phát triển thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương

(Kèm theo Quyết định số 2645/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư/Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2023 đã được UBND tỉnh giao chi tiết	Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					QĐ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư							
						Tổng cộng							Tr.đó: NSTW
	TỔNG SỐ					18.502	6.902	2.139	2.139	700	700		
	Huyện A Lưới					18.502	6.902	2.139	2.139	700	700		
I	Công trình cấp huyện					14.998	3.752	700	0	0	700		
a	Khởi công năm 2023					14.998	3.752	700	0	0	700		
1	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn huyện A Lưới, thôn Loah - Ta Vai, xã Đông Sơn	Đông Sơn	2022-2024	14,18 ha bao gồm khu nhà máy xử lý và hạ tầng kỹ thuật	Số 1234/QĐ-UBND ngày 19/4/2023	14.998	3.752	700	0		700	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện A Lưới Mới hoàn thành công tác phê duyệt BCKTKT, theo báo cáo của CĐT; đang lập hồ sơ ĐTM, không thể tổ chức LCNT trong năm 2023	
II	Công trình cấp xã					3.504	3.150	1.439	2.139	700	0		
b	Khởi công năm 2022					1.060	950	200	250	50	0		
1	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn đến nhà ông Lại	Sơn Thủy	2022-2023	518m đường BTXM và công trình trên tuyến	316/QĐ-UBND ngày 26/2/2021; 3184/QĐ-UBND ngày 14/9/2022; 730/QĐ-UBND ngày 3/3/2023	1.060	950	200	250	50		UBND xã Sơn Thủy Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	
a2.3	Khởi công năm 2023					2.444	2.200	1.239	1.889	650	0		
1	Tuyến đường thôn Quảng Hợp	Sơn Thủy	2023-2024	314,46m đường BTXM và công trình trên tuyến	Số 4413/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	1.333	1.200	739	1.200	461		UBND xã Sơn Thủy Đã thi công hoàn thành 90%, dự kiến hoàn thành 100% đưa vào sử dụng tháng 10/2023	
2	Hệ thống thủy lợi và hồ chứa nước tại thôn Phú Thượng	Phú Vinh	2023-2024	527,17m kênh bằng BTCT, sửa chữa đập dâng	Số 4414/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	1.111	1.000	500	689	189		UBND xã Phú Vinh Đã thi công hoàn thành 70%, dự kiến hoàn thành 100% đưa vào sử dụng tháng 11/2023	

Phụ lục II

Điều chỉnh kế hoạch năm 2023 vốn đầu tư phát triển thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương

(Kèm theo Quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư/Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2023 đã được UBND tỉnh giao chi tiết/dự kiến giao chi tiết		Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số QĐ, ngày phê duyệt	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng						Trong đó:	
						Tổng số	Tr.đó: NSTW							Kế hoạch đã được UBND tỉnh giao chi tiết	Kế hoạch chưa đủ điều kiện giao chi tiết
	Tổng cộng					329.157	287.810	92.506	59.466	33.040	92.506	32.640	32.640		
I	Dự án 01: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					96.347	84.269	33.443	26.360	7.083	46.760	20.395	7.078		
a	Huyện Nam Đông					13.564	11.795	7.143	4.760	2.383	4.760	0	2.383		
1	Dự án hỗ trợ thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất huyện Nam Đông	N.Đông	2022-2025			13.564	11.795	7.143	4.760	2.383	4.760		2.383	UBND huyện Nam Đông và UBND các xã theo các Quyết định phê duyệt danh sách hộ được hỗ trợ nhà ở của UBND huyện Nam Đông	
b	Huyện A Lưới					80.700	70.663	26.000	21.600	4.400	42.000	20.395	4.395		
1	Dự án hỗ trợ thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất huyện A Lưới	A.Lưới	2022-2025			80.700	70.663	26.000	21.600	4.400	42.000	20.395	4.395		
-	Hỗ trợ nhà ở					68.220	61.183	21.605	21.600	5	42.000	20.395	0	UBND huyện A Lưới và UBND các xã theo các Quyết định phê duyệt danh sách hộ được hỗ trợ nhà ở của UBND huyện A Lưới	
-	Hỗ trợ đất ở					9.585	7.585	2.500		2.500	0		2.500		
-	Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất					2.895	1.895	1.895		1.895	0		1.895		
d	Huyện Phú Lộc					2.083	1.811	300	0	300	0	0	300		
1	Dự án hỗ trợ thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất huyện Phú Lộc	P.Lộc	2022-2025			2.083	1.811	300	0	300	0		300		
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					100.416	87.318	23.192	7.192	16.000	7.580	388	16.000		
	Huyện A Lưới					77.783	67.637	16.000	0	16.000	0	0	16.000		
1	Quy hoạch sắp xếp bố trí ổn định dân cư xã Quảng Nhâm	Quảng Nhâm	2022-2025	Sân nền, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, nước, 2 phòng mẫu giáo, 1 nhà SHCD	2427/QĐ-UBND ngày 21/7/2022	77.783	67.637	16.000		16.000	0		16.000	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện A Lưới	
	UBND huyện Nam Đông					22.633	19.681	7.192	7.192	-	7.580	388	-		
2	Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Hương Hữu, huyện Nam Đông	Hương Hữu	2023-2025	Sắp xếp, bố trí ổn định cho 66 hộ dân; sân nền, đường giao thông nội bộ, cấp nước, thoát nước, hệ thống điện, cây xanh	1463/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	22.633	19.681	7.192	7.192		7.580	388		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Nam Đông	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị - Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệt kê, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					39.490	34.339	7.957	0	7.957	0	0	7.957		
1	Cấp huyện: UBND huyện A Lưới					33.873	29.455	5.557	0	5.557	0		5.557		
2	Cấp tỉnh: Ban Dân tộc		2023-2025			5.617	4.884	2.400		2.400	0		2.400		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư/Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2023 đã được UBND tỉnh giao chi tiết/dự kiến giao chi tiết			Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số QĐ, ngày phê duyệt	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:						
						Tổng số	Tr.đó: NSTW		Kế hoạch đã được UBND tỉnh giao chi tiết						Kế hoạch chưa đủ điều kiện giao chi tiết
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc - Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					82.904	73.191	24.415	24.415	0	35.161	10.746	0		
IV.1	Khởi công năm 2022					10.156	8.831	3.800	3.800	0	6.132	2.332	0		
a	Huyện Nam Đông					10.156	8.831	3.800	3.800	0	6.132	2.332	0		
	Các xã đặc biệt khó khăn					10.156	8.831	3.800	3.800	0	6.132	2.332	0		
1	Xã Thượng Long					5.121	4.453	2.000	2.000	0	3.053	1.053	0		
1.1	Trường Mầm non Thượng Long	Thượng Long	2022-2023	2 tầng, 4 PCN, diện tích 306m2 và công trình phụ trợ	794/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	3.421	2.975	1.200	1.200		2.075	875		UBND xã Thượng Long	Hoàn thành đưa vào sử dụng
1.2	Đường dân sinh thôn 5 xã Thượng Long	Thượng Long	2022-2023	0,572km, BTXM, công trình trên tuyến	818/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	1.700	1.478	800	800		978	178		UBND xã Thượng Long	Hoàn thành đưa vào sử dụng
2	Xã Hương Hữu					5.035	4.378	1.800	1.800	0	3.079	1.279	0		
2.1	Đường sản xuất từ nhà ông Ngành thôn 3 đến nhà ông Truyền thôn 1, xã Hương Hữu	Hương Hữu	2022-2023	1,1km, cấp phối, BTXM, công trình trên tuyến	819/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	2.102	1.828	800	800		1.279	479		UBND xã Hương Hữu	Hoàn thành đưa vào sử dụng
2.2	Trường Tiểu học Hương Hữu	Hương Hữu	2022-2023	2 tầng, 4 PH 387m2 và công trình phụ trợ	812/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	2.933	2.550	1.000	1.000		1.800	800		UBND xã Hương Hữu	Hoàn thành đưa vào sử dụng
IV.2	Khởi công năm 2023					72.748	64.360	20.615	20.615	0	29.029	8.414	0		
a	Huyện Nam Đông					1.770	1.539	600	600	0	1.039	439	0		
	Các xã đặc biệt khó khăn					1.770	1.539	600	600	0	1.039	439	0		
1	Xã Hương Hữu					1.770	1.539	600	600	0	1.039	439	0		
1.1	Nâng cấp đường từ nhà ông Văn thôn 7 đến nhà ông Hợp Tà Ry, xã Hương Hữu	Hương Hữu	2023-2025	860,97 m đường BTXM, nền 4,5 m, mặt 3,5 m và công trình trên tuyến	220/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	1.770	1.539	600	600		1.039	439		UBND xã Hương Hữu	
b	Huyện A Lưới					70.978	62.821	20.015	20.015	0	27.990	7.975	0		
	Các xã đặc biệt khó khăn					69.728	61.821	19.610	19.610	0	27.493	7.883	0		
1	Xã A Roàng					6.928	6.878	3.000	3.000	0	3.600	600	0		
1.1	Đường Ka Lô - Choah và đường A Roàng 2 - A Đu	A Roàng	2023-2024	Tổng chiều dài L=1.359,54m đường bê tông xi măng và công trình trên tuyến	4411/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	3.728	3.678	1.600	1.600		1.900	300		UBND xã A Roàng	
1.2	Các tuyến đường sản xuất xã A Roàng	A Roàng	2023-2024	Tổng chiều dài L=826,58m đường cấp phối đá dăm và công trình trên tuyến	4415/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	3.200	3.200	1.400	1.400		1.700	300		UBND xã A Roàng	
2	Xã Hồng Bắc					4.000	4.000	1.400	1.400	0	2.000	600	0		
2.1	Đường dân sinh từ nhà ông Lai đến nhà ông Buông	Hồng Bắc	2023-2024	620 m đường BTXM và công trình trên tuyến	1061/QĐ-UBND ngày 7/4/2023	2.000	2.000	700	700		1.000	300		UBND xã Hồng Bắc	
2.2	Đường sản xuất khu A Sóc	Hồng Bắc	2023-2024	579 m/2 tuyến đường cấp phối đá dăm và công trình trên tuyến	1064/QĐ-UBND ngày 7/4/2023	2.000	2.000	700	700		1.000	300		UBND xã Hồng Bắc	
3	Xã Đông Sơn					7.000	5.000	1.175	1.175	0	1.875	700	0		
3.1	Đường nội đồng vào khu sản xuất Pa Re giai đoạn 3	Đông Sơn	2023-2025	1,178,6 m đường cấp phối đá dăm và công trình trên tuyến	4401/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	3.000	3.000	475	475		975	500		UBND xã Đông Sơn	
3.2	Đường vào khu sản xuất thôn Ka Vá và thôn Tru-Chaih (nộp tiếp)	Đông Sơn	2023-2025	671 m đường cấp phối đá dăm và công trình trên tuyến	1065/QĐ-UBND ngày 7/4/2023	4.000	2.000	700	700		900	200		UBND xã Đông Sơn	
4	Xã Trung Sơn					7.700	6.243	2.025	2.025	0	2.643	618	0		
4.1	Các tuyến đường dân sinh và sản xuất xã Trung Sơn	Trung Sơn	2023-2025	1.235 m đường BTXM và công trình trên tuyến	1068/QĐ-UBND ngày 7/4/2023	4.700	4.700	1.025	1.025		1.400	375		UBND xã Trung Sơn	
4.2	Kênh mương thôn Đụt Lê Triêng 2	Trung Sơn	2023-2025	Tổng chiều dài 04 tuyến L=1.504,35m kênh bằng bê tông	4409/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	3.000	1.543	1.000	1.000		1.243	243		UBND xã Trung Sơn	
5	Xã Hồng Vân					3.500	2.500	850	850	0	1.500	650	0		
5.1	Xây dựng Trường Mầm non Hồng Vân	Hồng Vân	2023-2025	2 PH + 1 PHD/393m2 và công trình phụ trợ	4403/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	3.500	2.500	850	850		1.500	650		UBND xã Hồng Vân	
6	Xã Quảng Nhâm					4.700	4.700	2.450	2.450	0	3.100	650	0		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư/Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2023 đã được UBND tỉnh giao chi tiết/dự kiến giao chi tiết		Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số QĐ, ngày phê duyệt	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng						Trong đó:	
						Tổng số	Tr.đó: NSTW							Kế hoạch đã được UBND tỉnh giao chi tiết	Kế hoạch chưa đủ điều kiện giao chi tiết
6.1	Đường sản xuất từ Ấr Té đến A Hưor Pa E	Quảng Nhâm	2023-2024	518 m đường cấp phối đá dăm và công trình trên tuyến	4395/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	1.500	1.500	800	800	1.000	200	UBND xã Quảng Nhâm			
6.2	Kênh mương thủy lợi xã Quảng Nhâm	Quảng Nhâm	2023-2024	995 m kênh tưới đồng ruộng bằng BTXM; B=0,3 m, H=0,4 m	4396/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	1.200	1.200	750	750	900	150	UBND xã Quảng Nhâm			
6.3	Nâng cấp, mở rộng đường dân sinh từ nhà SHCĐ A Bá cũ đến ngã 3 đường thủy điện	Quảng Nhâm	2023-2024	Tổng chiều dài L=914,10m đường bê tông xi măng và công trình trên tuyến	4410/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	2.000	2.000	900	900	1.200	300	UBND xã Quảng Nhâm			
7	Xã Lâm Đốt					7.500	7.500	2.450	2.450	0	3.100	650	0		
7.1	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy lợi xã Lâm Đốt	Lâm Đốt	2023-2025	Kiến cố hóa 2.348,51m kênh cấp nước và 2 đập dâng (1 nâng cấp, 1 xây mới)	4416/QĐ-UBND ngày 31/12/202	4.500	4.500	1.300	1.300	1.600	300	UBND xã Lâm Đốt			
7.2	Mở rộng trường tiểu học A Đốt	Lâm Đốt	2023-2025	6 PH/2 tầng/465m2	4404/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	3.000	3.000	1.150	1.150	1.500	350	UBND xã Lâm Đốt			
8	Xã Hồng Thủy					8.800	7.700	1.175	1.175	0	1.975	800	0		
8.1	Mở rộng đường từ ngã ba thôn La Ngà về thôn 6 cũ (giáp tỉnh Quảng Trị)	Hồng Thủy	2023-2025	1.350 m đường BTXM và công trình trên tuyến	1067/QĐ-UBND ngày 7/4/2023	5.300	4.200	675	675	1.275	600	UBND xã Hồng Thủy			
8.2	Đường và điện từ ngã ba Pâr Ay lên đầu nguồn suối Pâr Ay	Hồng Thủy	2023-2025	1.172,56 m đường cấp phối đá dăm và công trình trên tuyến	4386/QĐ-UBND ngày 31/12/2022; 1655 ngày 5/6/2023	3.500	3.500	500	500	700	200	UBND xã Hồng Thủy			
9	Xã Hương Nguyên					2.800	2.500	500	500	0	1.100	600	0		
9.1	Công trình thủy lợi xã Hương Nguyên	Hương Nguyên	2023-2025	76 m ống nhựa HDPE, 238 m ống thép, 7 m ống PVC; 488 m kênh tưới đồng ruộng bằng BTXM; B=0,3 m, H=0,4 m	4398/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	2.800	2.500	500	500	1.100	600	UBND xã Hương Nguyên			
10	Xã Hồng Kim					8.300	6.300	1.175	1.175	0	1.800	625	0		
10.1	Công trình thủy lợi xã Hồng Kim	Hồng Kim	2023-2025	Hệ thống ống D300 và kênh tưới đồng lúa	4398/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	4.500	3.500	675	675	1.000	325	UBND xã Hồng Kim			
10.2	Các tuyến đường dân sinh xã Hồng Kim	Hồng Kim	2023-2025	Tổng chiều dài 02 tuyến L=528,00m đường bê tông xi măng và công trình trên tuyến	4388/QĐ-UBND ngày 31/12/2022; 1493/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	3.800	2.800	500	500	800	300	UBND xã Hồng Kim			
11	Xã Hồng Hạ					3.500	3.500	1.550	1.550	0	2.200	650	0		
11.1	Xây dựng phòng học trường TH&THCS Hồng Hạ	Hồng Hạ	2023-2024	306 m2/2 tầng/2 PH	4383/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	2.000	2.000	1.000	1.000	1.200	200	UBND xã Hồng Hạ			
11.2	Kè chống sạt lở từ cầu A1 đến cầu A2	Hồng Hạ	2023-2024	Xây dựng tuyến kè bằng rọ đá Gabico với tổng chiều dài L= 130,0m	4407/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	1.500	1.500	550	550	1.000	450	UBND xã Hồng Hạ			
12	Xã Hồng Thái					5.000	5.000	1.860	1.860	0	2.600	740	0		
12.1	Đường nội đồng A La đến A Moxeng	Hồng Thái	2023-2024	676 m đường cấp phối đá dăm và công trình trên tuyến	1063/QĐ-UBND ngày 7/4/2023	1.500	1.500	860	860	1.100	240	UBND xã Hồng Thái			
12.3	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Y Reo, thôn A La	Hồng Thái	2023-2025	Xây mới 2 NSHCĐ; 127m2/nhà và công trình phụ trợ	4402/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	3.500	3.500	1.000	1.000	1.500	500	UBND xã Hồng Thái			
	Các thôn đặc biệt khó khăn					1.250	1.000	405	405	0	497	92	0		
1	Xã Hồng Thượng					1.250	1.000	405	405	0	497	92	0		
1.2	Xây dựng đường khu sản xuất thôn A Đên	Hồng Thượng	2023-2024	568 m đường cấp phối đá dăm và công trình trên tuyến	1070/QĐ-UBND ngày 7/4/2023	1.250	1.000	405	405	497	92	UBND xã Hồng Thượng			
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình - Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					10.000	8.693	3.500	1.500	2.000	3.006	1.106	1.600		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Nội dung thiết kế	Quyết định đầu tư/Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2023 đã được UBND tỉnh giao chi tiết/dự kiến giao chi tiết		Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số QĐ, ngày phê duyệt	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng						Trong đó:	
						Tổng số	Tr.đó: NSTW							Kế hoạch đã được UBND tỉnh giao chi tiết	Kế hoạch chưa đủ điều kiện giao chi tiết
1	Chuyển đổi số cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự					7.000	6.087	2.000		2.000	400	1.600	Ban Dân tộc	Dự án chưa được phê duyệt, chưa đủ điều kiện giao vốn	
2	Xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số		2023-2025	Xây dựng chợ trực tuyến (phần mềm); cơ sở vật chất cho các điểm giao dịch ở huyện Nam Đông và A Lưới	2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025	3.000	2.606	1.500	1.500		2.606	1.106	Liên minh HTX tỉnh		